# THÁCH THỨC TỪ THỂ CHẾ TRONG BỐI CẢNH THỰC THI CÁC FTA VÀ ĐỘNG LỰC CHUYỂN ĐỔI XANH CỦA NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

**ThS. Nguyễn Thị Thu Vân* - ThS. Võ Khắc Hoàng** - PGS.TS. Trần Thế Tuân*****

***Chuyển đổi xanh là yêu cầu sống còn đối với ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh cam kết Net Zero 2050. Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới như EVFTA và CPTPP đã chuyển hóa yêu cầu này từ tự nguyện sang bắt buộc, tạo ra áp lực thể chế cưỡng chế mạnh mẽ. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp, dựa trên nền tảng lý thuyết Thể chế và lý thuyết Nguồn lực, để làm rõ khoảng cách năng lực lớn. Thực trạng cho thấy 80% doanh nghiệp là SMEs thiếu vốn và công nghệ, gần như đứng ngoài các cam kết xanh. Bài báo kết luận và đề xuất các hàm ý chính sách tạo khung pháp lý và hỗ trợ nguồn lực nhằm hỗ trợ SMEs biến áp lực tuân thủ thành lợi thế cạnh tranh.***

• Từ khóa: *chuyển đổi xanh; ngành dệt may Việt Nam; FTA; EVFTA; CPTPP; áp lực thể chế; doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs).*

*Green transformation has become a vital requirement for Vietnam's textile and garment industry in the context of the country's commitment to achieving net-zero emissions by 2050. New-generation Free Trade Agreements (FTAs), such as the EVFTA and CPTPP, have transformed this requirement from a voluntary option into a mandatory obligation, generating strong coercive institutional pressures. This paper employs secondary data analysis, grounded in institutional theory and the resource-based view, to examine the significant capability gaps within the industry. The findings indicate that approximately 80% of firms are small and medium-sized enterprises (SMEs) that lack adequate financial resources and technological capacity, leaving them largely excluded from green commitments. The paper concludes by proposing policy implications aimed at establishing an enabling legal framework and providing resource support to help SMEs transform compliance pressures into competitive advantages.*

• Key words: *green transformation; Vietnam's textile; FTA, EVFTA; CPTPP; Institutional pressures; Small and medium-sized enterprises (SMEs).*

*Ngày nhận bài: 20/01/2026*
*Ngày gửi phản biện: 18/02/2026*
*Ngày duyệt đăng: 11/3/2026*

*DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.10*

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP không chỉ mở ra cơ hội tiếp cận thị trường mà còn đặt ra những yêu cầu về thể chế và những yêu cầu khắt khe về lao động, môi trường và phát triển bền vững. Đối với Việt Nam, ngành dệt may hiện nay là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực có đóng góp lớn vào cán cân thương mại và có đóng góp quan trọng trong việc tạo ra công ăn việc làm cho hàng triệu lao động tại Việt Nam đang phải chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn cũng như các tiêu chuẩn xanh của các thị trường nhập khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ và các nước Đông Bắc Á, ngoài ra trong bối cảnh đang dịch chuyển mạnh mẽ sang phát triển bền vững, được thúc đẩy bởi các cam kết quốc tế như Thỏa thuận Xanh châu Âu. Việt Nam, với cam kết đạt Net Zero vào 2050, đang đứng trước một cuộc cải tổ sâu rộng. Ngành dệt may, một trụ cột xuất khẩu, lại là đối tượng chịu áp lực trực tiếp nhất. Ngành này vốn bị xem là thâm dụng tài nguyên (nước, năng lượng) và có mức phát thải cao.

Vấn đề trở nên cấp bách khi Việt Nam hội nhập sâu rộng qua các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới như EVFTA và CPTPP. Các hiệp định này không chỉ mở ra thị trường lớn mà còn dựng lên những rào cản thể chế ngày càng nghiêm ngặt. Các yêu cầu khắt khe về giảm thiểu dấu chân carbon, quản lý hóa chất và kinh tế tuần

** Trường Đại học Đông Á*
*** Văn phòng Thành uỷ Đà Nẵng*
**** Trường Đại học Công nghệ GTVT; Tác giả liên hệ: tuanutt83@utt.edu.vn*

hoàn đã trở thành điều kiện tiên quyết để thâm nhập thị trường.

Điều này tạo ra một khoảng cách năng lực rõ rệt: Một bên là kỳ vọng tuân thủ xanh bắt buộc từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm; một bên là thực trạng nội tại của ngành, nơi các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) chiếm đa số nhưng lại thiếu hụt nghiêm trọng về vốn, công nghệ và năng lực quản trị xanh. Trong khi mô hình cạnh tranh dựa trên chi phí lao động thấp đã không còn bền vững, khả năng thích ứng với các tiêu chuẩn xanh lại trở thành yếu tố sống còn. Nhận diện khoảng cách này, bài báo tập trung phân tích các áp lực thể chế cốt lõi từ các FTA, đối chiếu với thực trạng năng lực và rào cản chuyển đổi của doanh nghiệp dệt may. Từ đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách vĩ mô nhằm hỗ trợ ngành, đặc biệt là khối SMEs, biến thách thức tuân thủ thành lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này vẫn còn phải đối mặt với nhiều thách thức như chi phí đầu tư còn cao, thiếu công nghệ xanh, hạn chế về nhận thức và năng lực quản trị môi trường của doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, việc nghiên cứu mức độ tác động của cơ chế chính sách của áp lực thể chế FTA đối với chuyển đổi xanh ngành dệt may Việt Nam là cần thiết, nhằm xác định động lực nội sinh và ngoại sinh cho sự phát triển bền vững của ngành dệt may nói riêng và các ngành sản xuất khác nói chung, đồng thời qua đó đề xuất những chính sách hỗ trợ và giải pháp thực thi hiệu quả trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng như hiện nay.

## 2. Tổng quan lý luận và phương pháp nghiên cứu

### *2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu*

Nền tảng lý luận của bài viết dựa trên hai nhóm lý thuyết chính: Lý thuyết Thể chế và Lý thuyết Dựa trên Nguồn lực.

*Thứ nhất, Lý thuyết Thể chế* (DiMaggio và Powell, 1983) cung cấp khung phân tích để giải thích tại sao doanh nghiệp buộc phải chuyển đổi xanh (CĐX). Lý thuyết này cho rằng các tổ chức không chỉ hành động vì hiệu quả kinh tế mà còn vì sự phù hợp và tính hợp pháp trong môi trường thể chế. Áp lực thể chế bao gồm: (1) Áp lực cưỡng chế, đến từ các quy định pháp lý, chính sách nhà nước, và trong bối cảnh bài báo này, là các cam kết ràng buộc trong EVFTA và CPTPP; (2) Áp lực quy chuẩn từ các kỳ vọng của ngành, hiệp hội; và (3) Áp lực bắt chước khi doanh nghiệp sao chép các đối thủ thành công. Bài báo này lập luận rằng các yêu cầu xanh từ FTA chính là một áp lực cưỡng chế mạnh mẽ, khiến CĐX không còn là lựa chọn tự nguyện mà đã trở thành một yêu cầu bắt buộc để duy trì sự chấp nhận của thị trường.

*Thứ hai, Lý thuyết Dựa trên nguồn lực* (RBV) (Grant, 1991) giải thích làm thế nào doanh nghiệp có thể CĐX thành công. Theo RBV, năng lực cạnh tranh (NLCT) bền vững đến từ các nguồn lực nội tại (VRIO). Trong bối cảnh này, năng lực xanh - như khả năng áp dụng công nghệ sạch, quản trị ESG (Lei Xi & Hui Wang, 2024), hay xây dựng văn hóa tổ chức xanh (Wang, 2019) - được xem là một nguồn lực chiến lược then chốt.

Các nghiên cứu gần đây như Abilakimova et al. (2024); Mady et al. (2024), Zhang et al. (2024)hay Đoàn (2024) chủ yếu tập trung vào CĐX như một chiến lược tự nguyện để nâng cao hiệu quả hoặc NLCT. Tuy nhiên, một khoảng trống nghiên cứu được xác định: Rất ít nghiên cứu phân tích CĐX dưới lăng kính của một áp lực thể chế bắt buộc từ các cam kết thương mại quốc tế. Việc thiếu các phân tích chuyên sâu, gắn kết các cam kết pháp lý (áp lực cưỡng chế) này với thực trạng (rào cản nguồn lực của SMEs) chính là khoảng trống mà bài báo này tập trung giải quyết.

### *2.2. Phương pháp nghiên cứu*

Để giải quyết khoảng trống trên, bài báo sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu được phân tích bao gồm ba nhóm chính: (1) Các văn bản cam kết pháp lý trong Hiệp định EVFTA và CPTPP (các chương về phát triển bền vững, lao động, môi trường); (2) Các văn bản pháp lý, chính sách của Nhà nước Việt Nam (Chiến lược tăng trưởng xanh, các quy định về tín dụng xanh); và (3) Các báo cáo ngành của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), Bộ Công Thương, Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, World Bank…. Phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh và hệ thống hóa được sử dụng nhằm làm rõ hai nội dung cốt lõi: (1) Các yêu cầu xanh bắt buộc từ các FTA; và (2) Thực trạng đáp ứng của doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

## 3. Các yêu cầu xanh cốt lõi từ EVFTA và CPTPP

Các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) thế hệ mới như EVFTA và CPTPP đã tạo ra một bước ngoặt, chuyển dịch trọng tâm từ rào cản thuế quan sang các rào cản kỹ thuật và tiêu chuẩn bền vững. Đây không còn là những khuyến nghị chung, mà

là các cam kết pháp lý có tính ràng buộc cao, được quy định rõ trong các chương về Thương mại và phát triển bền vững (EVFTA) hay Lao động và Môi trường (CPTPP).

Cụ thể, các yêu cầu xanh cốt lõi bao gồm:

Về lao động: Yêu cầu tuân thủ và thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn lao động cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), bao gồm xóa bỏ lao động cưỡng bức, lao động trẻ em, và chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc.

Về môi trường và khí hậu: Cam kết thực thi hiệu quả các Hiệp định Môi trường đa phương (MEAs) mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Điều này tạo áp lực trực tiếp lên ngành dệt may phải giảm phát thải khí nhà kính trong các công đoạn sử dụng nhiều năng lượng (nhuộm, sấy).

Về kinh tế tuần hoàn và quản lý hóa chất: Mặc dù CPTPP ít đề cập, EVFTA gắn chặt với chính sách nội khối của EU như Thỏa thuận Xanh và Chiến lược Kinh tế tuần hoàn. Điều này yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hóa chất, thúc đẩy thiết kế sinh thái, và tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, minh bạch hóa chuỗi cung ứng.

Những cam kết này cấu thành một tiêu chuẩn xanh bắt buộc, định hình lại tiêu chuẩn cạnh tranh mới cho ngành dệt may Việt Nam.

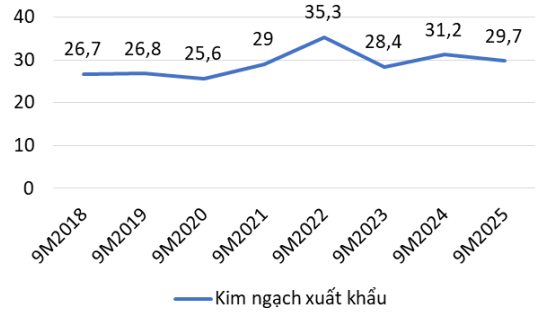
**4. Thực trạng ngành dệt may Việt Nam**

Nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu áp dụng các vật liệu thân thiện môi trường như (bông hữu cơ, polyester tái chế,…) đầu tư vào công nghệ cho sản xuất nhiều và nhanh hơn, các hoạt động tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải đã được các doanh nghiệp nói chung và SMEs nói riêng quan tâm hơn nhằm mục tiêu tiêu thụ năng lượng ở mức phù hợp với những điều kiện cam kết từ các FTA đặc biệt là các FTA thế hệ mới, trong những năm gần đây ngành dệt may xuất khẩu có những tín hiệu đáng mừng nằm trong nhóm nước xuất khẩu dệt may hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, để ngành dệt may xuất khẩu còn có những vấn đề cần lưu tâm sau đây:

***Một là,*** *áp lực tuân thủ từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm*

Năng lực cạnh tranh của ngành dệt may Việt Nam gắn liền với thị trường xuất khẩu. Quy mô kim ngạch xuất khẩu (KNXK) duy trì ở mức cao, với 9 tháng đầu năm 2024 đạt 31,2 tỷ USD, cho thấy sự phục hồi sau sụt giảm năm 2023.

**Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam 9 tháng qua các năm (Tỷ USD)**

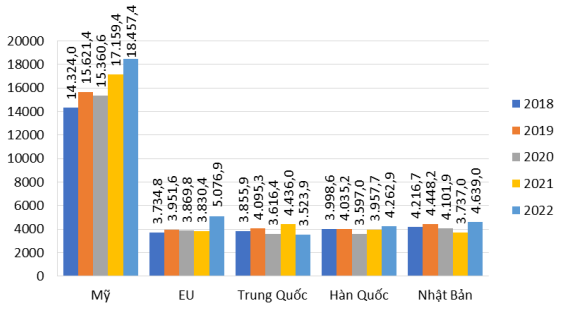



*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

Quan trọng hơn, các thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam (tính đến 2024) bao gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên minh Châu Âu (EU), Hàn Quốc và Nhật Bản.

Dữ liệu từ World Bank cho thấy đây cũng là các thị trường chiếm tỷ trọng lớn nhất, đồng thời là các đối tác quan trọng trong khuôn khổ EVFTA và CPTPP.

**Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm dệt may và quần áo Việt Nam vào các nước (Triệu USD)**




*Nguồn: World Bank*

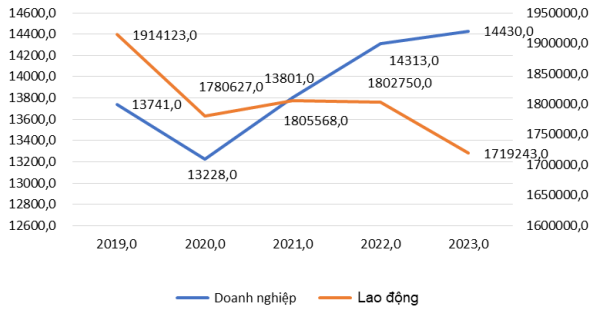
Việc KNXK tập trung lớn vào các thị trường khó tính như Mỹ, EU và Nhật Bản tạo ra một áp lực tuân thủ trực tiếp. Các nhà mua hàng quốc tế tại các khu vực này ngày càng gia tăng yêu cầu về ESG, bắt buộc nhà cung ứng phải minh bạch hóa chuỗi cung ứng và đáp ứng các tiêu chuẩn xanh nghiêm ngặt. Do đó, xanh hóa không còn là lựa chọn mà là điều kiện bắt buộc để duy trì đơn hàng và năng lực cạnh tranh.

***Hai là,*** *rào cản từ cơ cấu doanh nghiệp và lao động*

Rào cản nội tại lớn nhất của ngành dệt may chính là cơ cấu phân mảnh. Theo số liệu của Tổng

cục Thống kê, tính đến năm 2023, toàn ngành có 14.430 doanh nghiệp và thu hút 1,72 triệu lao động.

**Biểu đồ 3: Số lượng doanh nghiệp và lao động ngành dệt may Việt Nam**




*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Tuy nhiên, theo báo cáo từ tổ chức Năng suất Châu Á (APO) chỉ ra rằng có đến 80% trong số này là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), khoảng 60%-70% lực lượng lao động có trình độ phổ thông, lao động nữ chiếm đến 70%. Thực trạng này tạo ra một khoảng cách năng lực rất lớn. Trong khi một số ít doanh nghiệp quy mô lớn và FDI có đủ tiềm lực tài chính, công nghệ để đầu tư hệ thống xử lý chất thải, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và đào tạo nhân lực, thì đại đa số các SMEs lại gặp rào cản nghiêm trọng. Họ không chỉ thiếu vốn đầu tư xanh mà còn thiếu nhân lực trình độ cao để vận hành công nghệ mới và các hệ thống quản trị môi trường phức tạp.

***Ba là;*** *Tác động môi trường và cam kết của ngành dệt may Việt Nam*

Ngành dệt may Việt Nam, tương tự như xu hướng toàn cầu, đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về môi trường. Trên phạm vi quốc tế, áp lực ngày càng tăng khi báo cáo của Apparel Impact Institute chỉ ra rằng tổng lượng phát thải khí nhà kính (KNK) của ngành may mặc toàn cầu đã tăng 7,5% trong năm 2023, đạt 944 triệu tấn $CO_2$, đi ngược lại các mục tiêu khí hậu.

Tại Việt Nam, gánh nặng này được thể hiện rõ qua các số liệu thống kê. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), ngành dệt may đang tiêu thụ khoảng 3 tỷ USD năng lượng mỗi năm. Ngành này chiếm tới 8% tổng nhu cầu năng lượng của toàn ngành công nghiệp và ước tính phát thải khoảng 5 triệu tấn $CO_2$ hàng năm. Cũng theo báo cáo từ APO, tổng mức tiêu thụ năng lượng của ngành đã tăng gấp đôi từ khoảng 2.272 KTOE (nghìn tấn dầu quy đổi) vào năm 2016 lên khoảng 4.226 KTOE vào năm 2020. Đến hiện tại, có khoảng 50% doanh nghiệp dệt may đã áp dụng các phương pháp sản xuất xanh và khoảng 80% đã đầu tư vào điện mặt trời áp mái.

Tác động không chỉ dừng lại ở phát thải KNK. Trọng tâm của vấn đề môi trường nằm ở các quy trình xử lý ướt. Các công đoạn giặt, tiền xử lý, nhuộm và hoàn tất sử dụng một lượng tài nguyên nước khổng lồ và các loại hóa chất. Do đó, xử lý nước thải luôn là một điểm nóng. Các báo cáo của WWF, Better Work liên tục cảnh báo rằng trong khi các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp quy mô lớn có đầu tư hệ thống xử lý đạt chuẩn, thì phần lớn các doanh nghiệp SME vẫn chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe, đặc biệt là các tiêu chuẩn đầu vào của các nhãn hàng quốc tế.

Bên cạnh đó, vấn đề chất thải rắn (vải vụn) cũng ở mức báo động. Một khảo sát gần đây của GIZ (2024) ước tính lượng chất thải dệt may tiền tiêu thụ tại Việt Nam dao động từ 184.000 đến 276.000 tấn mỗi năm. Con số này định lượng rõ quy mô thách thức, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp bách cho việc thiết kế các chính sách về kinh tế tuần hoàn và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất.

Về phía cam kết tự nguyện, đã có những tín hiệu tích cực ban đầu. Theo dữ liệu từ Sáng kiến mục tiêu dựa trên khoa học (SBTi) tính đến tháng 5/2025, Việt Nam có 62 doanh nghiệp dệt may tham gia cam kết giảm phát thải, trong đó 30 doanh nghiệp đã có mục tiêu được phê duyệt. Tuy nhiên, dữ liệu này cũng bộc lộ một khoảng cách rất lớn: trong 62 doanh nghiệp tiên phong này, chỉ có 02 doanh nghiệp được phân loại là SMEs. Điều này cho thấy các doanh nghiệp SME, vốn là nhóm yếu thế nhất về vốn và công nghệ, đang gần như đứng ngoài lề cuộc chuyển đổi, tạo ra một thách thức kép về cả năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

**5. Hàm ý chính sách thúc đẩy chuyển đổi xanh cho ngành dệt may Việt Nam**

Để giải quyết khoảng cách năng lực và thúc đẩy CĐX hiệu quả, đặc biệt là cho khối SMEs, cần một hệ thống chính sách đồng bộ, kết hợp cả cơ chế tạo áp lực tuân thủ trong nước và tạo động lực và hỗ trợ nguồn lực.

***Một là,*** Nhà nước cần sớm luật hoá đầy đủ theo hướng đồng bộ các cam kết môi trường trong FTA thế hệ mới vào hệ thống pháp luật quốc gia, đặc biệt liên quan đến những tiêu chuẩn về phát thải,

sử dụng năng lượng và kinh tế tuần hoàn, khung pháp lý cần được thiết kê theo lộ trình phù hợp tránh áp dụng động loạt sẽ dẫn đến cú sốc cho doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp ngành dệt may có quy mô nhỏ và vừa

***Hai là,*** hoàn thiện thể chế EPR nhanh chóng hoàn thiện và thực thi khung pháp lý về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) trong ngành dệt may (cụ thể hóa Quyết định 2217/QĐ-TTg). Điều này tạo hành lang pháp lý bắt buộc cho việc thu gom, tái chế chất thải dệt may, chuyển gánh nặng xử lý từ xã hội sang nhà sản xuất. Bên cạnh. Những quy định bắt buộc, nhà nước cũng cần thiết kế những cơ chế khuyến khích như ưu đãi về thuế quan, lãi suất tín dụng, hoặc hỗ trợ chi phí về chứng nhận ISO qua đó giúp các doanh nghiệp coi tuân thủ thể chế trong quá trình thực thi FTA là một lợi thế cạnh tranh.

***Ba là,*** *liên kết chính sách công:* Tích hợp các tiêu chuẩn xanh (về năng lượng, nước thải) vào các điều kiện bắt buộc trong cấp phép đầu tư, ưu đãi thuế, và tiếp cận đất đai.

***Bốn là,*** *tăng cường hỗ trợ nguồn lực cho doanh nghiệp dệt may Việt Nam (SMEs)* cần cụ thể hóa Thông tư 17/2022/TT-NHNN bằng các gói tín dụng với quy trình thẩm định linh hoạt và dễ tiếp cận, đặc biệt nhắm đến các dự án quy mô nhỏ của SMEs (như đầu tư nồi hơi, điện mặt trời, xử lý nước thải), đặc biệt huy động từ các quỹ chuyển đổi xanh, bảo lãnh tín dụng xanh và hỗ trợ đổi mới công nghệ sạch và chuyển giao công nghệ.

***Năm là,*** *hỗ trợ công nghệ và R&D:* Thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ (Quyết định 68/QĐ-TTg), đặc biệt là ngành dệt nhuộm và sản xuất xơ sợi xanh, để giảm phụ thuộc nhập khẩu. Cần có quỹ R&D quốc gia hỗ trợ các vật liệu mới và công nghệ xử lý thân thiện môi trường.

***Sáu là,*** *phát triển nguồn nhân lực:* Chuyển đổi xanh không chỉ là vấn đề về công nghệ mà còn là vấn đề về nguồn nhân lực và quản trị. Vì vậy cần xây dựng các chính sách tập trung vào việc đào tạo đội ngũ quản lý và lao động ngành dệt may về tiêu chuẩn môi trường cần xây dựng các chương trình đào tạo nguồn nhân lực ở quy mô quốc gia về quản trị xanh (tiêu chuẩn ISO 14001, Higg Index) cho các nhà quản lý SMEs, giúp họ hiểu đúng và đủ để xây dựng lộ trình CĐX hiệu quả… qua đó tăng cường khả năng thích ứng thể chế của doanh nghiệp trước các yêu cầu ngày càng khắt khe từ FTA.

Cuối cùng; nâng cao năng lực thể chế và minh bạch thông tin, do đó cơ quan quản lý nhà nước cần nâng cao năng lực thực thi, giám sát và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thực thi các cam kết FTA đồng thời xây dựng hệ thống hướng dẫn kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và có công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi xanh đặc biệt là SMEs tiếp cận thông tin một cách minh bạch và nhất quán cũng như dễ dàng thực thi và không mất thời gian cũng như chi phí của doanh nghiệp.

**Kết luận**

Nghiên cứu đã hệ thống hóa các yêu cầu xanh cốt lõi từ các FTA (EVFTA, CPTPP) đặt ra cho ngành dệt may Việt Nam nói riêng và các ngành sản xuất khác nói chung, bao gồm giảm phát thải, quản lý hóa chất và kinh tế tuần hoàn. Phân tích thực trạng cho thấy một khoảng cách năng lực lớn, đặc biệt ở các SMEs, giữa yêu cầu thị trường và khả năng đáp ứng.

Nghiên cứu khẳng định chuyển đổi xanh là con đường tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh bền vững, thay thế mô hình dựa trên chi phí thấp. Để biến áp lực thành lợi thế, bài báo nhấn mạnh tính cấp thiết của việc đồng bộ chính sách hỗ trợ từ Nhà nước và sự chủ động tái cấu trúc của doanh nghiệp.

**Tài liệu tham khảo:**

*World Bank. (2024). Vietnam Textile and Garment Export Data (2018 - 2023). Truy cập tại: https://wits.worldbank.org/CountryProfile/en/Country/VNM/Year/LTST/TradeFlow/Export/Partner/by-country/Product/50-63_TextCloth*

*GIZ - Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit. (2025). Ecosystem Mapping for Circular Textile Economy in Vietnam. Truy cập tại https://www.giz.de/de/downloads/giz2025-en-ecosystem-mapping.pdf*

*TexFash.com, July 23 2025. Polyester Boom Drives 7.5% Spike in Fashion Sector Carbon Output. Truy cập tại: https://texfash.com/research/polyester-boom-drives-75-spike-in-fashion-sector-carbon-output-finds-aii-study*

*Grant, R. M. (1991). The Resource-Based Theory of Competitive Advantage: Implications for Strategy Formulation. California Management Review, 33(3), 114-135. https://doi.org/10.2307/41166664*

*DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. American Sociological Review, 48(2), 147-160. https://doi.org/10.2307/2095101*

*Wang, C. (2019). How organizational green culture influences green performance and competitive advantage. Journal of Manufacturing Technology Management, 30(4), 666-683. https://doi.org/10.1108/JMTM-09-2018-0314*

*Lei Xi, & Hui Wang. (2024). The Influence of Green Transformation on ESG Management and Sustainable Competitive Advantage: An Empirical Comparison of Companies in the Pearl River Delta and Yangtze River Delta. Sustainability, 16(18), 7911. https://doi.org/10.3390/su16187911*

*Mady, K., Abdul Halim, M. A. S., Omar, K., Battour, M., & Abdelkareem, R. S. (2024). Environmental pressures and eco-innovation in manufacturing SMEs: The mediating effect of environmental capabilities. International Journal of Innovation Science, 16(5), 501-526. https://doi.org/10.1108/IJIS-08-2022-0163*

*Zhang, Q., Zhu, X., & Lee, M.-J. (2024). Exploring Institutional Pressures, Green Innovation, and Sustainable Performance: Examining the Mediated Moderation Role of Entrepreneurial Orientation. Sustainability, 16(5), 2058. https://doi.org/10.3390/su16052058*

*Abilakimova, A., Bauters, M., & Afolayan Ogunyemi, A. (2024). Systematic literature review of digital and green transformation of manufacturing SMEs in Europe. Production & Manufacturing Research, 13(1), 2443166. https://doi.org/10.1080/21693277.2024.2443166*

*Đoàn, H. Q. (2024). Tác động của chuyển đổi số đến các doanh nghiệp dệt may niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tạp chí Kinh tế - Tài chính, kỳ 2 tháng 11/2024.*